TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Xuân Giang.
Bà Nguyễn Thị Thanh.

-Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TLST- HS, ngày 03 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T - tên gọi khác: Không - sinh năm 1980 (không xác định được ngày, tháng sinh), sinh tại xã C, huyện V, tỉnh V.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Văn T - sinh năm 1957 và bà Phan Thị Đ - sinh năm 1959. Có vợ: Phan Thị Th - sinh năm 1982; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011; Bị cáo có 04 anh, chị, em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: chưa có; Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý vị phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2018. Hiện tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà.

- Người làm chứng:

1. Lù Ngọc Qu - sinh năm 1976.
Nơi cư trú: Thôn Kh, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Mai Văn K - sinh năm 1977.
Nơi cư trú: Thôn Bảo Tân 1, xã B, huyện B,tỉnh Lào Cai.
Đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Hồi 10 giờ 20 phút ngày 12/6/2018 tại thôn B 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, tổ công tác công an huyện B bắt quả tang Lê Văn T sinh năm 1980 trú tại thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Tạm giữ 01 quả bóng bay màu trắng bên trong chứa 01 ống nhựa màu vàng, 01 ống nhựa màu tím được bịt kín hai đầu. Mở bên trong hai ống nhựa đều chứa tinh thể rắn màu trắng Tuân khai là ma túy đá vừa mua được đang trên đường mang về nhà để sử dụng bị kiểm tra bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số 117/GĐMT ngày 13/06/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định thu giữ được từ Lê Văn T 1,45 gam là chất ma túy Methamphetamine (MA) thuộc danh mục 2 số thứ tự 323 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Lê Văn T khai nhận:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/6/2018, Lê Văn T ở nhà một mình đã dùng điện thoại có số 01638880334 của vợ là chị Phan Thị Th gọi điện vào số 0972905349 mà T đã có trước đó cho một người đàn ông tên Ch (hoặc Tr) để hỏi mua ma túy về sử dụng. Tuân hỏi Ch "còn đồ không, bán cho ba trăm nghìn", Ch trả lời "vào B mà lấy". Sau khi gọi điện xong T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 24K2-5815 vào xã B. Khoảng 10 giờ đến địa phận thôn Khởi, xã B thì nhận được điện thoại của Ch hỏi T đang ở đâu, T trả lời đang ở dốc Bà Điên, khoảng 10 phút sau T thấy Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng đen, không nhớ biển kiểm soát đi từ hướng B - B đến gặp T, Ch dẫn T vào ngõ văng cách đường Tỉnh lộ 153 khoảng 30m rồi đưa cho T 01 quả bóng bay màu trắng có buộc thắt nút ở đầu. Biết bên trong chứa ma túy nên T cầm lấy cho vào túi quần sau bên phải rồi đưa cho Ch 300.000 đồng. T đi về được khoảng 30m thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện và bắt giữ.

Cáo trạng số 15/CT-VKS-BH ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với bị cáo Lê Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dung hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dung điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 1,16 gam Me thamphetamine được tái niêm phong trong bì thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Lời khai của bị cáo T tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Lê Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự cất giữ 1,45 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội bị cáo T thực hiện là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma tuý, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy. Gây mất trật tự, trị an tại địa phương, ảnh hưởng tới sức khoẻ, suy thoái giống nòi là mầm mống dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác. Để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, góp phần đẩy lùi và loại bỏ ma tuý ra khỏi đời sống xã hội. Việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm. Song cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, vì trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo và bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn T được nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba.

Đối với người tên là Ch hoặc Tr bị cáo T khai đã bán ma tuý cho bị cáo qua xác minh không xác định được tên, tuổi lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ xử lý.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghiện ma tuý, tàng trữ ma tuý để sử dụng, không có lợi nhuận, không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng gồm:

- 1,45 gam Methamphetamine gửi giám định, đã trích mẫu 0,29 gam không hoàn lại, nên không đề cập xử lý. Còn 1,16 gam được tái niêm phong, là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Cần tịch thu tiêu huỷ theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động Oppo A39 là tài sản của chị Phan Thị Th vợ bị cáo bị cáo tự ý sử dụng để liên lạc mua ma tuý chị Th không biết và 01 xe mô tô BKS 24K2-5815 là tài sản riêng của vợ bị cáo, không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp. Nên không đề cập giải quyết.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo ngày 12/6/2018.

3. Xử lý vật chứng :

- Tịch thu tiêu huỷ : 1,16 gam Methamphetamine được tái niêm phong trong bì thư, mặt trước có ghi Công an tỉnh Lào Cai, Phòng kỹ thuật hình sự và có dòng chữ " Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ án Lê Văn T có hành vi phạm tội về ma tuý. Phát hiện (thu giữ) ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại thôn B 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai"; mặt sau có 04 dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Phòng Hồ sơ NV CA tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lục Văn Chằng **Thào Seo Toả** **Ngô Đức Quang**